

TỪ ‘ĐỔI MỚI’ ĐẾN ‘VƯỜN MÌNH’ - SỰ CHUYỂN HÓA MÔ THỨC PHÁT TRIỂN CỦA VIỆT NAM NHÌN TỪ PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT

Bùi Quốc Hưng

Khoa Lý luận Chính trị, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

Tóm tắt: Bài viết vận dụng phép biện chứng duy vật để phân tích sự chuyển hóa mô thức phát triển của Việt Nam từ thời kỳ Đổi mới sang “kỷ nguyên vườn mình của dân tộc”. Trên cơ sở các quy luật cơ bản của phép biện chứng như: Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại; quy luật thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập; quy luật phủ định của phủ định, bài viết làm rõ “vườn mình” không phải là sự đoạn tuyệt với Đổi mới, mà là một bước nhảy về chất nảy sinh từ quá trình tích lũy lâu dài và giải quyết các mâu thuẫn nội tại của mô hình phát triển cũ. Qua đó, bài viết luận giải những thay đổi căn bản về động lực tăng trưởng, cấu trúc phát triển, vị thế hội nhập và quan hệ giữa lực lượng sản xuất với quan hệ quản lý sản xuất trong giai đoạn mới, đồng thời khẳng định ý nghĩa phương pháp luận của phép biện chứng duy vật đối với việc hoạch định đường lối, chiến lược phát triển đất nước trong thời kỳ Đại hội XIV và các thập niên tiếp theo.

Từ khóa: Đổi mới; Kỷ nguyên vườn mình; Mô thức phát triển; Phép biện chứng duy vật; Việt Nam.

FROM “RENOVATION” TO “THE ERA OF RISE” –THE TRANSFORMATION OF VIETNAM’S DEVELOPMENT MODEL FROM THE PERSPECTIVE OF DIALECTICAL MATERIALISM

Abstract: The article applies dialectical materialism to analyze the transformation of Vietnam’s development model from the period of Đổi mới (Renovation) to the “era of the nation’s rise.” Based on the fundamental laws of dialectics—namely, the law of the transformation of quantitative changes into qualitative changes and vice versa; the law of the unity and struggle of opposites; and the law of the negation of the negation—the article clarifies that “rising” does not represent a break with Đổi mới, but rather a qualitative leap emerging from the long process of accumulation and the resolution of internal contradictions within the previous development model. On that basis, it elucidates the fundamental changes in growth drivers, development structure, integration position, and the relationship between productive forces and relations of production in the new stage, while affirming the methodological significance of dialectical materialism for formulating national development lines and strategies in the period of the 14th National Party Congress and the decades to come.

Keywords: Renovation; Era of the Nation’s Rise; Development Model; Dialectical Materialism, Vietnam.

Nhận bài: 28.12.2025

Phản biện: 21.01.2026

Duyệt đăng: 26.01.2026

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong tiến trình phát triển hiện đại của Việt Nam, công cuộc Đổi mới khởi xướng từ năm 1986 đã mở ra một giai đoạn chuyển biến có ý nghĩa lịch sử, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế – xã hội, từng bước hình thành nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập ngày càng sâu rộng vào khu vực và thế giới, cải thiện rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Sau gần bốn thập niên, sự tích lũy về lực lượng sản xuất, thể chế, nguồn nhân lực, khoa học – công nghệ và vị thế quốc tế đã đưa Việt Nam đến một trình độ phát triển mới, trong đó những động lực cũ dần bộc lộ giới hạn, còn những yêu cầu mới về chất lượng, hiệu quả, tính tự chủ và phát triển bền vững ngày càng trở nên bức thiết.

Trong bối cảnh đó, khái niệm “kỷ nguyên vườn mình của dân tộc” được đặt ra như một cách khái quát hóa tầm chiến lược về giai đoạn phát triển mới của đất nước. Tuy nhiên, nếu chỉ tiếp cận “vườn mình” như một khẩu hiệu chính trị –

tinh thần hoặc một sự thay đổi thuần túy về mục tiêu, sẽ khó làm rõ bản chất và quy luật vận động của quá trình này. Vấn đề đặt ra là cần có một cơ sở lý luận khoa học để lý giải: vì sao Việt Nam tất yếu phải chuyển từ mô thức phát triển thời kỳ Đổi mới sang một mô thức phát triển mới; động lực nào chi phối sự chuyển đổi đó; và sự chuyển đổi ấy mang tính kế thừa hay đoạn tuyệt đối với con đường đã lựa chọn.

Từ góc độ triết học, đặc biệt là phép biện chứng duy vật, có thể tiếp cận “kỷ nguyên vườn mình” như một bước chuyển hóa về chất trong mô thức phát triển, nảy sinh từ sự tích lũy về lượng và từ quá trình giải quyết các mâu thuẫn nội tại của giai đoạn trước. Việc vận dụng phương pháp luận biện chứng không chỉ giúp nhận thức đúng bản chất của bước chuyển này, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc luận giải cơ sở khoa học cho đường lối, chiến lược phát triển của Việt Nam trong giai đoạn mới.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Phép biện chứng duy vật về phát triển và sự chuyển đổi mô thức phát triển

2.1.1. *Phát triển như một quá trình chuyển hóa từ sự thay đổi về lượng thành sự thay đổi về chất*

Trong phép biện chứng duy vật, phát triển không đơn thuần là sự tăng lên về quy mô hay tốc độ, mà là quá trình vận động đi lên thông qua những bước chuyển hóa về chất. Quy luật chuyển hóa từ những thay đổi về lượng thành những thay đổi về chất chỉ ra rằng mọi sự vật, hiện tượng đều có những giới hạn nhất định của sự biến đổi tiệm tiến; khi sự tích lũy về lượng đạt tới “độ” và vượt qua “điểm nút”, sẽ tất yếu dẫn tới sự ra đời của một trạng thái chất mới, với cấu trúc, phương thức vận động và chức năng khác về căn bản so với trước đó. Do vậy, phát triển theo nghĩa triết học là sự thống nhất biện chứng giữa tính liên tục của quá trình tích lũy và tính gián đoạn của bước nhảy, giữa sự kế thừa và sự bỏ qua, giữa ổn định tương đối và biến đổi căn bản.

Vận dụng quy luật này vào phân tích tiến trình phát triển của Việt Nam cho thấy, công cuộc Đổi mới không chỉ là một chuỗi cải cách rời rạc, mà là quá trình tích lũy lâu dài về nhiều phương diện: trình độ lực lượng sản xuất, cấu trúc nền kinh tế, năng lực thể chế, chất lượng nguồn nhân lực, trình độ khoa học – công nghệ và vị thế quốc tế của đất nước. Những biến đổi đó, trong một thời gian dài, chủ yếu biểu hiện dưới dạng các thay đổi về lượng: tăng trưởng kinh tế, mở rộng quy mô thị trường, gia tăng mức độ hội nhập, cải thiện từng bước đời sống Nhân dân.

Từ góc nhìn biện chứng, “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” có thể được hiểu như biểu hiện của bước chuyển hóa về chất đó. Nó không chỉ phản ánh sự gia tăng về quy mô hay vị thế, mà trước hết là sự thay đổi căn bản trong chất lượng phát triển: từ dựa chủ yếu vào khai thác nguồn lực sẵn có sang dựa vào tri thức, đổi mới sáng tạo và năng lực tự chủ; từ hội nhập theo chiều thích ứng sang hội nhập gắn với năng lực tham gia định hình luật chơi; từ tăng trưởng đơn mục tiêu sang phát triển hài hòa giữa kinh tế, xã hội, văn hóa và con người.

2.1.2. *Mâu thuẫn biện chứng và động lực của bước chuyển mô thức*

Theo phép biện chứng duy vật, mâu thuẫn là nguồn gốc, động lực nội tại của sự vận động và phát triển. Mọi quá trình phát triển đều diễn ra thông qua sự nảy sinh, vận động và giải quyết các

mâu thuẫn, trong đó sự thống nhất và đấu tranh giữa các mặt đối lập tạo ra xung lực thúc đẩy sự vật chuyển từ trạng thái cũ sang trạng thái mới.

Trong thời kỳ Đổi mới, sự phát triển của Việt Nam nổi lên ba mâu thuẫn lớn mang tính cấu trúc. Thứ nhất, là mâu thuẫn giữa yêu cầu phát triển nhanh để rút ngắn khoảng cách với các nước tiên tiến và yêu cầu bảo đảm tính bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường. Mô hình tăng trưởng dựa nhiều vào khai thác tài nguyên, vốn đầu tư và lao động giá rẻ đã tạo ra tốc độ tăng trưởng cao trong một thời gian, nhưng đồng thời bộc lộ giới hạn về hiệu quả, chất lượng và khả năng duy trì dài hạn. Thứ hai, là mâu thuẫn giữa xu thế hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng với yêu cầu củng cố năng lực tự chủ, tự cường của nền kinh tế và của quốc gia. Hội nhập mở ra cơ hội tiếp cận thị trường, công nghệ và nguồn lực toàn cầu, song cũng làm gia tăng mức độ phụ thuộc và tính dễ tổn thương trước các cú sốc bên ngoài. Thứ ba, là mâu thuẫn giữa mô hình tăng trưởng chủ yếu dựa vào vốn và lao động với yêu cầu tất yếu phải chuyển sang mô hình phát triển dựa trên tri thức, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Chính sự vận động ngày càng gay gắt của các mâu thuẫn đó đã tạo ra áp lực khách quan buộc mô thức phát triển phải thay đổi. Từ góc độ biện chứng, bước chuyển sang “kỷ nguyên vươn mình” có thể được hiểu như kết quả của quá trình giải quyết các mâu thuẫn theo hướng nâng chúng lên một trình độ mới: kết hợp phát triển nhanh với bền vững, gắn hội nhập với tự chủ chiến lược, chuyển trọng tâm từ tăng trưởng theo chiều rộng sang phát triển dựa vào chất lượng, hiệu quả và sáng tạo. Việc giải quyết mâu thuẫn không làm triệt tiêu các mặt đối lập, mà tái cấu trúc mối quan hệ giữa chúng trên nền tảng mới, qua đó hình thành một mô thức phát triển cao hơn.

2.1.3. *Phủ định biện chứng và kế thừa trong tiến trình phát triển*

Trong phép biện chứng duy vật, phủ định không phải là xóa bỏ sạch trơn cái cũ, mà là sự phủ định biện chứng – một quá trình vừa loại bỏ những yếu tố đã trở nên lỗi thời, vừa bảo tồn và phát triển những nhân tố hợp lý, tích cực của giai đoạn trước trong một hình thái mới cao hơn. Phủ định biện chứng vì thế mang tính kế thừa, phát triển và tiến bộ, thể hiện quy luật “phủ định của phủ định” trong sự vận động đi lên theo đường xoáy ốc của lịch sử.

Vận dụng cách tiếp cận này, có thể khẳng định rằng “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” không phải là sự đoạn tuyệt với công cuộc Đổi mới, mà là sự phủ định biện chứng của chính mô thức phát triển hình thành trong gần bốn thập niên qua. Đổi mới đã tạo ra những chuyển biến mang tính bước ngoặt: giải phóng lực lượng sản xuất, hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở rộng hội nhập quốc tế, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân, củng cố vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Những thành tựu đó là tiền đề không thể thay thế cho mọi bước phát triển tiếp theo. Tuy nhiên, trong chính quá trình vận động của mình, mô thức phát triển dựa chủ yếu vào mở cửa, khai thác lợi thế so sánh về lao động, tài nguyên và thu hút vốn đầu tư cũng bộc lộ những giới hạn về chất lượng tăng trưởng, năng suất, tính tự chủ và khả năng cạnh tranh dài hạn.

Do đó, “vuơn mình” phải được hiểu như sự phủ định biện chứng: kế thừa nền tảng do Đổi mới tạo dựng, đồng thời vượt qua những ràng buộc của mô hình phát triển theo chiều rộng, chuyển sang một trình độ phát triển mới dựa trên tri thức, khoa học – công nghệ, đổi mới sáng tạo và năng lực tự chủ chiến lược. Trong logic đó, “kỷ nguyên mới” không nằm ngoài quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, mà là sự phát triển ở trình độ cao hơn của cùng con đường đã được lựa chọn, thể hiện sự trưởng thành về chất của lực lượng sản xuất, của thể chế và của chủ thể phát triển. Cách tiếp cận phủ định biện chứng cho phép luận giải “kỷ nguyên vươn mình” như một bước tiến lịch sử mang tính kế thừa và vượt bỏ, thống nhất giữa liên tục và gián đoạn, giữa ổn định định hướng xã hội chủ nghĩa và đổi mới sáng tạo về mô thức phát triển.

2.2. Từ mô thức "đổi mới" đến mô thức "vuơn mình": sự chuyển hóa về cấu trúc phát triển

2.2.1. Đặc trưng và giới hạn lịch sử của mô thức phát triển thời kỳ Đổi mới

Mô thức phát triển của Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới được hình thành trên cơ sở chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, lấy mở cửa và hội nhập làm động lực trung tâm. Đặc trưng nổi bật của mô thức này là chiến lược thu hút mạnh mẽ đầu tư nước ngoài, thúc đẩy xuất khẩu, phát triển công nghiệp theo chiều rộng và từng bước tham gia vào các chuỗi giá trị toàn cầu. Nhờ đó, Việt Nam đã đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế

cao trong thời gian dài, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân và nâng cao vị thế quốc gia trong hệ thống kinh tế thế giới.

Tuy nhiên, chính những tiền đề tạo nên thành công của mô thức Đổi mới cũng bộc lộ những giới hạn mang tính lịch sử. Mô hình tăng trưởng dựa nhiều vào vốn, lao động giá rẻ và khai thác tài nguyên dẫn tới phụ thuộc đáng kể vào công nghệ và thị trường bên ngoài, làm cho năng suất lao động tăng chậm và giá trị gia tăng nội địa trong chuỗi sản xuất toàn cầu thấp. Cấu trúc kinh tế chưa chuyển mạnh sang chiều sâu, trong khi năng lực đổi mới sáng tạo và tự chủ công nghệ còn hạn chế, khiến nền kinh tế đối diện nguy cơ rơi vào “bẫy thu nhập trung bình”. Đồng thời, mức độ gắn kết cao với thị trường thế giới cũng làm lộ rõ điểm yếu về sức chống chịu trước các cú sốc toàn cầu như khủng hoảng tài chính, đứt gãy chuỗi cung ứng hay biến động địa chính trị. Từ góc nhìn biện chứng duy vật, những giới hạn ấy không phải là sự phủ định giá trị của Đổi mới, mà phản ánh mâu thuẫn nội tại của một mô thức phát triển đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của nó. Chính sự tích tụ các mâu thuẫn đó đặt ra yêu cầu khách quan phải chuyển sang một cấu trúc phát triển mới – mô thức “vuơn mình” – như một bước nhảy về chất trong tiến trình hiện đại hóa đất nước.

2.2.2. Những yếu tố mới cấu thành mô thức phát triển trong “kỷ nguyên vươn mình”

Thứ nhất, động lực tăng trưởng dịch chuyển từ mô hình dựa chủ yếu vào tích lũy vốn, khai thác lao động giá rẻ và mở rộng quy mô sản xuất sang mô hình lấy tri thức, đổi mới sáng tạo và công nghệ cao làm nền tảng. Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư và kinh tế số phát triển mạnh mẽ, nguồn lực quyết định không còn là số lượng nhân lực lớn và tư liệu sản xuất hiện vật, mà là chất lượng nguồn nhân lực, năng lực nghiên cứu – phát triển, khả năng làm chủ công nghệ lõi và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Thứ hai, mô thức mới đánh dấu sự chuyển biến từ hội nhập mang tính thích ứng, bị động sang hội nhập chủ động, có định hướng chiến lược trong việc xác lập vị trí của Việt Nam trong cấu trúc kinh tế – chính trị khu vực và toàn cầu. Việt Nam không chỉ tham gia vào các chuỗi giá trị hiện hữu, mà từng bước tham gia kiến tạo, tái cấu trúc và nâng cấp vị trí trong các mạng lưới sản xuất, thương mại, tài chính và công nghệ.

Thứ ba, sự chuyển hóa mang tính bản chất thể hiện ở việc vượt khỏi tâm thế “theo kịp” để hướng tới “đồng hành và có đóng góp định hình”. Việt Nam không chỉ đặt mục tiêu bắt kịp trình độ phát triển của các quốc gia tiên tiến, mà còn chủ động tham gia đề xuất sáng kiến, chuẩn mực và giải pháp đối với các vấn đề chung như phát triển bền vững, chuyển đổi số, tăng trưởng xanh và quản trị toàn cầu. Từ góc nhìn biện chứng, đây là sự vận động từ vị thế phụ thuộc tương đối sang vị thế chủ thể ngày càng rõ nét, phản ánh bước trưởng thành về chất của mô thức phát triển trong “kỷ nguyên vươn mình”.

2.2.3. Sự chuyển hóa biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ quản lý sản xuất

Trong “kỷ nguyên vươn mình”, sự vận động của lực lượng sản xuất ở Việt Nam đang diễn ra với tốc độ nhanh và chiều sâu mới, gắn chặt với quá trình hình thành kinh tế số, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Lực lượng sản xuất không chỉ được đo bằng quy mô vốn đầu tư hay số lượng lao động, mà ngày càng phụ thuộc vào trình độ khoa học – công nghệ, hàm lượng tri thức, dữ liệu, năng lực đổi mới sáng tạo và mức độ thân thiện với môi trường. Công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, tự động hóa, cùng với các mô hình sản xuất – tiêu dùng bền vững, đang trở thành bộ phận cấu thành trực tiếp của tư liệu sản xuất hiện đại, đồng thời làm biến đổi cơ cấu ngành, phương thức tổ chức lao động và chuỗi giá trị.

Sự phát triển ấy đặt ra yêu cầu khách quan phải hoàn thiện quan hệ sản xuất mà trước hết là quan hệ quản lý sản xuất theo hướng tương thích. Về bản chất, đó là quá trình nâng cấp thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lên trình độ cao hơn, trong đó quyền tự do kinh doanh, cạnh tranh lành mạnh, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, phát triển thị trường các yếu tố sản xuất, đặc biệt là thị trường khoa học – công nghệ và lao động chất lượng cao, được bảo đảm đồng bộ. Đồng thời, mô hình Nhà nước chuyển mạnh từ vai trò quản lý hành chính sang “kiến tạo phát triển”, định hướng chiến lược, xây dựng môi trường thể chế thuận lợi, đầu tư cho kết cấu hạ tầng tri thức và số, cũng như dẫn dắt quá trình chuyển đổi xanh. Từ góc nhìn biện chứng duy vật, đây là sự điều chỉnh mang tính tất yếu của quan hệ sản xuất nhằm “mở đường” cho lực lượng sản xuất mới phát triển, giải quyết mâu thuẫn giữa trình độ công nghệ – tri thức ngày càng cao với những ràng buộc thể chế còn mang dấu ấn của giai đoạn

phát triển trước. Sự phù hợp ngày càng lớn giữa lực lượng sản xuất số, xanh, tri thức với quan hệ quản lý sản xuất hiện đại, minh bạch và hiệu quả chính là điều kiện để mô thức “vươn mình” trở thành hiện thực.

2.3. Vai trò phương pháp luận của phép biện chứng duy vật trong “kỷ nguyên vươn mình”

2.3.1. Định hướng giải quyết các mâu thuẫn phát triển mới

Bước vào “kỷ nguyên vươn mình”, Việt Nam đối diện những mâu thuẫn phát triển mới mang tính chất phức tạp. Một là, mâu thuẫn giữa yêu cầu tăng trưởng nhanh để rút ngắn khoảng cách phát triển với các quốc gia tiên tiến và đòi hỏi bảo đảm phát triển bền vững về kinh tế, xã hội, môi trường. Nếu tuyệt đối hóa tốc độ tăng trưởng có thể dẫn tới khai thác quá mức tài nguyên, gia tăng bất bình đẳng và rủi ro sinh thái; ngược lại, nếu nhấn mạnh đơn tuyến vào bền vững mà thiếu động lực tăng trưởng sẽ làm suy giảm khả năng tích lũy cho tương lai. Hai là, mâu thuẫn giữa xu thế toàn cầu hóa, hội nhập sâu rộng với yêu cầu giữ vững độc lập, tự chủ về kinh tế, công nghệ và an ninh quốc gia. Ba là, mâu thuẫn giữa thúc đẩy đổi mới sáng tạo, kinh tế số, kinh tế tri thức với nhiệm vụ bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, không để các nhóm yếu thế bị bỏ lại phía sau.

2.3.2. Cung cấp cơ sở lý luận cho hoạch định chiến lược phát triển

Về phương diện hoạch định chiến lược, phép biện chứng duy vật giúp vượt qua tư duy tuyến tính, giản đơn, coi phát triển như sự gia tăng cơ học của một vài chỉ tiêu kinh tế. Thay vào đó, nó yêu cầu xem xét quá trình phát triển trong mối liên hệ phổ biến giữa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, môi trường; trong sự tác động qua lại giữa yếu tố trong nước và quốc tế; giữa trước mắt và lâu dài.

Quán triệt quan điểm lịch sử – cụ thể, phép biện chứng duy vật cho phép đặt các mục tiêu và giải pháp phát triển của “kỷ nguyên vươn mình” vào đúng bối cảnh trình độ lực lượng sản xuất, cấu trúc xã hội và tương quan quốc tế hiện nay, tránh sao chép máy móc các mô hình bên ngoài. Đồng thời, cách tiếp cận hệ thống giúp nhận thức phát triển như một chỉnh thể động, trong đó đổi mới kinh tế phải gắn với hoàn thiện thể chế, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển con người và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chính trên nền tảng phương pháp luận ấy, chiến lược phát triển quốc gia mới có cơ sở

khoa học để bảo đảm tính nhất quán, linh hoạt và khả năng thích ứng trước những biến động nhanh chóng của thế giới đương đại.

III. KẾT LUẬN

Từ góc nhìn của phép biện chứng duy vật, “kỷ nguyên vươn mình của dân tộc” có thể được khẳng định là một bước nhảy về chất trong mô thức phát triển của Việt Nam, nảy sinh một cách tất yếu từ quá trình tích lũy lâu dài về lượng và giải quyết từng bước các mâu thuẫn nội tại của gần bốn thập niên Đổi mới. Những thành tựu to lớn, cùng với các giới hạn lịch sử của mô hình tăng trưởng cũ, đã tạo nên điểm nút chuyển hóa, làm xuất hiện yêu cầu khách quan phải tái cấu trúc động lực phát triển, nâng tầm vị thế quốc gia và định hình một cấu trúc phát triển ở trình độ cao hơn.

Phép biện chứng duy vật, với tư cách là thế giới quan và phương pháp luận khoa học, cung cấp công cụ lý luận để nhận diện đúng bản chất của “bước nhảy” này: đó không phải

là sự đoạn tuyệt siêu hình với Đổi mới, mà là sự phủ định biện chứng, kế thừa những nhân tố hợp lý, đồng thời vượt bỏ những giới hạn đã trở thành lực cản. Trên cơ sở đó, có thể làm rõ động lực phát triển mới, mối quan hệ giữa lực lượng sản xuất hiện đại với quan hệ quản lý sản xuất tương thích, cũng như quy luật vận động từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu.

Việc nhận thức đúng tính biện chứng của quá trình “vuơn mình” vì thế có ý nghĩa phương pháp luận và thực tiễn đặc biệt quan trọng. Nó không chỉ giúp tránh những cách hiểu giản đơn, duy ý chí hoặc sao chép mô hình, mà còn tạo cơ sở khoa học cho việc hoạch định đường lối, chính sách và chiến lược phát triển quốc gia trong giai đoạn Đại hội XIV và những thập niên tiếp theo, bảo đảm cho sự phát triển nhanh, bền vững và giữ vững vai trò chủ thể lịch sử của Nhân dân trong tiến trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Đảng Cộng sản Việt Nam (2024), Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Nguyễn Phú Trọng (2023), Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

World Bank (2022), Vietnam Country Economic Memorandum: Institutions for a High-Income Society, Washington D.C.